TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2024/DS-ST
Ngày: 02 - 8 - 2024
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cảnh Liêm
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Ông Trần Võ Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 85/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số:157/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trương Hữu T ; nơi cư trú: Địa chỉ: lô 6, cụm công nghiệp phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Trương Hữu T : ông Nguyễn Hữu D , nơi cư trú: lô 6, cụm công nghiệp phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định. (Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 08/4/2024 tại Văn phòng công chứng Trần Minh Thiện, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định).

2. Bị đơn:

Chị Nguyễn Thị Hồng T ; nơi cư trú: 508/10 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH thương mại dịch vụ T ; trụ sở: 508/10 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

3.2. Anh Đào Trọng Ng ; nơi cư trú: 508/10 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Trương Hữu Toại trình bày:

Khi anh đến Công ty TNHH thương mại dịch vụ T (sau đây viết tắt là Công ty Tân Phát) phỏng vấn chị T đã đưa ra mức lương thử việc tuần đầu 5.000.000 đồng/tháng và phí đi công trình xa mỗi tháng 2.000.000 đồng, sau thời gian thử việc 01 tháng sẽ được tăng lương. Vị trí công việc của anh trong công ty là nhân viên kỹ thuật tại công trình. Nhưng khi tính lương chị T không giữ đúng lời hứa cho rằng anh làm việc cho công ty không hợp đồng giấy tờ nào cả, nên chị T lợi dụng điểm này cố ý chiếm đoạt tiền phí xăng xe đi công trình của anh. Ngày 29/01/2024, anh đến công ty hỏi lương, thì chị Nguyễn Thị Hồng T dùng những lời lẽ đe dọa khủng bố đối với anh và ra lệnh chặt 1 cái chân của anh với giá là 500.000.000 đồng nhằm mục đích để anh lo sợ rồi bỏ luôn tiền lương. Sau đó anh vẫn bị chị T ép không thanh toán phí xăng xe đi lại công trình mỗi tháng là 2.000.000 đồng tổng cộng là 03 tháng.

Đối với công trình ở An Nhơn: khoảng cách từ công trình đang xây dựng đến đóng gạch bị bể cách nhau 01 con đường 15m là do tài xế là anh N nhân viên công ty chị T chạy ẩu cán bể đóng gạch nền và anh Nghĩa tài xế đã chịu trách nhiệm sự việc mình đã gây ra nhưng chị T vẫn trừ vào tiền lương của anh là 2.860.000 đồng.

Nay anh yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng T trả số tiền phí đi công trình mỗi tháng là 2.000.000 đồng trong thời gian anh làm cho công ty chị T từ ngày 24 tháng 10 năm 2023 đến ngày 26 tháng 01 năm 2024 tổng cộng 03 tháng là 6.000.000 đồng và số tiền 2.860.000 đồng chị T buộc anh bồi thường tiền gạch bể do ông Đào Trọng N tài xế gây ra. Tổng cộng: 8.860.000 đồng.

Tại bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T và là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH thương mại dịch vụ T trình bày:

Anh Nguyễn Trương Hữu T yêu cầu chị trả tiền phí đi công trình mỗi tháng 2.000.000 đồng, tổng cộng 03 tháng là 6.000.000 đồng và số tiền 2.860.000 đồng (tiền bồi thường gạch bể do tài xế N gây ra) là không đúng vì cá nhân chị không liên quan gì đến các yêu cầu trên của anh T.

Giữa Công ty TNHH thương mại dịch vụ T (sau đây viết tắt là Công ty Tân Phát) và anh Nguyễn Trương Hữu T chỉ thoả thuận anh Toại vào làm Công ty là để học việc không có ký hợp đồng lao động. Lương trọn gói hàng tháng là 5.000.000 đồng, Công ty

Tân Phát đã thanh toán đủ số tiền 5.000.000 đồng tiền lương trong thời gian anh T học việc và không có thoả thuận phụ cấp riêng 2.000.000 đồng/ tháng nên Công ty Tân Phát không đồng ý khoản tiền xăng xe 03 tháng với số tiền 6.000.000 đồng như yêu cầu của anh Toại; về khoản tiền gạch bể 2.860.000 đồng, Công ty T đồng ý chi trả lại số tiền này cho anh Toại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Trọng N đã được Tòa đã thực hiện việc cấp, tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự nhưng anh N không chấp hành triệu tập của Tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Trọng N không chấp hành triệu tập của tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trương Hữu T đòi chị Nguyễn Thị Hồng T trả số tiền phí đi công trình mỗi tháng là 2.000.000 đồng trong thời gian anh làm cho công ty chị T từ ngày 24 tháng 10 năm 2023 đến ngày 26 tháng 01 năm 2024 tổng cộng 03 tháng là 6.000.000 đồng và số tiền 2.860.000 đồng chị T buộc anh bồi thường tiền gạch bể do anh Đào Trọng N tài xế gây ra. Tổng cộng: 8.860.000 đồng. Ghi nhận tự nguyện của Công ty TNHH thương mại dịch vụ T hoàn trả cho anh Nguyễn Trương Hữu T khoản tiền gạch bể 2.860.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết đòi chị Nguyễn Thị Hồng T thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý, giải quyết vụ án Dân sự theo thẩm quyền về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn và là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T - chị Nguyễn Thị Hồng T có Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Trọng N . Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện đòi chị Nguyễn Thị Hồng T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền phí đi công trình mỗi tháng là 2.000.000 đồng trong thời gian anh làm cho công ty chị Trà từ ngày 24 tháng 10 năm 2023 đến ngày 26 tháng 01 năm 2024 tổng cộng 03 tháng là 6.000.000 đồng và số tiền 2.860.000 đồng chị Trà buộc anh bồi thường tiền gạch bể do anh Đào Trọng N gây ra. Tổng cộng: 8.860.000 đồng. Xét thấy việc anh T khởi kiện yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả tiền liên quan đến giao dịch của anh với Công ty TNHH thương mại dịch vụ T . Cá nhân chị T không phát sinh giao dịch dân sự với anh T nên không có cơ sở yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ gì liên quan đến phí đi công trình hay số tiền bồi thường gạch bể. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi chị T số tiền 8.860.000 đồng.

[3.2] Quá trình làm việc đại diện hợp pháp Công ty TNHH thương mại dịch vụ T (sau đây viết tắt là Công ty Tân Phát) đồng ý hoàn trả cho anh T khoản tiền gạch bể 2.860.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của Công ty T , phù hợp với quy định pháp luật nên Toà ghi nhận. Đối với phí đi công trình mỗi tháng là 2.000.000 đồng trong thời gian anh T làm cho công ty T từ ngày 24 tháng 10 năm 2023 đến ngày 26 tháng 01 năm 2024 tổng cộng 03 tháng là 6.000.000 đồng không có Hợp đồng thể hiện nội dung này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[4] Án phí DSST:

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (sau đây viết tắt là Nghị quyết 326): Anh Nguyễn Trương Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tốtụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 116, 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trương Hữu T đòi chị Nguyễn Thị Hồng T trả số tiền phí đi công trình mỗi tháng là 2.000.000 đồng trong thời gian anh làm cho công ty chị T từ ngày 24 tháng 10 năm 2023 đến ngày 26 tháng 01 năm 2024 tổng cộng 03 tháng là 6.000.000 đồng và số tiền 2.860.000 đồng chị Trà buộc anh bồi thường tiền gạch bể do anh Đào Trọng N tài xế gây ra. Tổng cộng: 8.860.000 đồng.

2. Ghi nhận tự nguyện của Công ty TNHH thương mại dịch vụ T hoàn trả cho anh Nguyễn Trương Hữu T khoản tiền gạch bể 2.860.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trương Hữu T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000749 ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Tp.Quy Nhơn;*
- *CQ THA DS Tp.Quy Nhơn;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thị Phương Thảo